

DẠY NGHE HIỂU TRONG ĐIỀU KIỆN THIẾU MÔI TRƯỜNG TIẾNG TỰ NHIÊN

Hoàng Văn Vân^(*)

1. Giới thiệu

Thuật ngữ “nghe” được sử dụng trong dạy ngoại ngữ để chỉ một quá trình phức tạp cho phép chúng ta hiểu ngôn ngữ khẩu ngữ/nói. Nghe, một kĩ năng ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất, thường được sử dụng trong mối quan hệ với các kĩ năng khác như nói, đọc và viết. Nghe là một phương tiện quan trọng để thu nhận ngôn ngữ (cả ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai). Nó là một kênh trong đó người ta xử lí ngôn ngữ theo thời gian thực tại - sử dụng tốc độ, các đơn bị nhập mã và nhát ngừng duy nhất có một không hai đối với ngôn ngữ nói. Bài viết dự định đề cập đến một số vấn đề liên quan đến khái niệm nghe và dạy nghe trong môi trường ngoại ngữ, một môi trường thường được cho là thiếu giao tiếp tự nhiên. Nó dự định xoay quanh thảo luận năm vấn đề chính: (i) bối cảnh của việc dạy nghe, (ii) quan điểm nghe từ dưới lên và nghe từ trên xuống, (iii) một số dạng văn bản nghe điển hình, (iv) một số khó khăn trong khi nghe một văn bản, và (v) đổi mới việc dạy kĩ năng nghe hiểu như thế nào để có hiệu quả tốt nhất.

2. Hoàn cảnh ra đời của kĩ năng nghe hiểu trong dạy ngoại ngữ

Nghe hiểu trong dạy ngoại ngữ đã trải qua những ảnh hưởng quan trọng do kết quả của những sự phát triển trong

khoa học dân tộc học, giáo dục học, ngôn ngữ học, và xã hội học. Kể từ khi ngoại ngữ được dạy từ thời cổ Hi Lạp cho đến tận thế kỉ 19, học ngoại ngữ chủ yếu được trình bày dưới hình thức văn viết, với vai trò quan trọng được đặt vào ngữ pháp quy chuẩn, từ điển song ngữ và vào “các câu có vấn đề” bởi vì dịch đúng có vai trò trọng tâm. Nghe bắt đầu có tầm quan trọng trong dạy ngoại ngữ vào cuối thế kỉ 19 với phong trào “cách tân” trong đó các nhà ngôn ngữ học tâm lí muốn nghiên cứu quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ nhất trong trẻ em và áp dụng nó vào quá trình học ngoại ngữ của người lớn. Với sự quan tâm này, ngôn ngữ khẩu ngữ không những đã trở thành mục đích mà còn là phương tiện cho việc học ngoại ngữ. Độ chính xác của nhận thức và sự rõ ràng của trí nhớ trở thành các kĩ năng học ngoại ngữ trọng tâm.

Các kĩ năng khẩu ngữ càng được khuyến khích hơn vào những năm 1930 của thế kỉ 20 khi mà các nhà ngôn ngữ học nhân học bắt đầu nghiên cứu và mô tả các ngôn ngữ không có hình thức chữ viết trên thế giới. Bị ảnh hưởng bởi phong trào nghiên cứu ngôn ngữ nhân học, Bloomfield đã tuyên bố rằng “người ta học để hiểu và nói một ngôn ngữ chủ yếu thông qua nghe và bắt trước người bản ngữ” (Bloomfield [2,1942]). Vào những năm 1940 của thế kỉ 20, các nhà

^(*) PGS.TS., Khoa Sau S' i h'c, S' i h'c Quèc gia H'p N'í.

ngôn ngữ học ứng dụng Mĩ đã hình thức hoá “đường hướng khẩu ngữ” thành phương pháp nghe-nói “audio-lingual method” với độ nhấn được đặt vào việc rèn luyện hai kĩ năng nghe-nói và việc sử dụng tối đa phòng học tiếng. Giả định cơ bản của phương pháp nghe-nói là người học có thể được “đào tạo” thông qua ngôn ngữ đầu vào liên tục được cấu trúc và phân độ khó dễ để làm thay đổi thói quen nghe của họ.

Ngược lại với đường hướng hành vi, ở vương quốc Anh người ta thấy có một mối quan tâm ngày càng tăng vào các đường hướng tình huống. Firth và các nhà ngôn ngữ học cùng thời với ông tin rằng “ngôn cảnh tình huống” chứ không phải các đơn vị ngôn ngữ xác định ý nghĩa của các phát ngôn. Điều này có nghĩa là ý nghĩa là chức năng của ngôn cảnh tình huống và ngôn cảnh văn hoá trong đó nó xuất hiện và rằng hiểu ngôn ngữ bao gồm sự tích hợp giữa hiểu biết ngôn ngữ và sự giải thích phi ngôn ngữ.

Những ảnh hưởng lí thuyết quan trọng khác có quan hệ đến các công trình của Chomsky và Hymes. Việc Chomsky cuối cùng chấp nhận quan điểm “bẩm sinh” trong việc thụ đắc ngôn ngữ đã đưa đến khái niệm “trí tuệ tìm ý nghĩa” và quan niệm về “đường hướng tự nhiên” trong việc học ngoại ngữ. Trong đường hướng tự nhiên, người học làm việc theo một chương trình trong nội tâm và yêu cầu các ngữ liệu đầu vào (không cần thiết phải theo trình tự từ dễ đến khó) để thiết lập nên hệ thống ngữ đích. Phản ứng lại khái niệm “năng lực ngôn ngữ” của Chomsky, Hymes (1971) đã đề xuất khái niệm “năng lực giao tiếp”. Ông

khẳng định rằng điều quan trọng không phải là việc ngôn ngữ được kết cấu như thế nào về mặt nội tại, mà là sự hiểu biết về việc ngôn ngữ được sử dụng như thế nào về mặt xã hội (ngoại tại).

Đường hướng ngôn ngữ học xã hội này, sau này được hình thức hoá thành môn học như “phân tích hội thoại” có ảnh hưởng lớn đến việc giảng dạy và xây dựng chương trình dạy ngoại ngữ. Hội đồng châu Âu đã đề xuất một chương trình được gọi là “chương trình cốt lõi” mà mọi người học được cho là phải đạt được trong những giai đoạn đầu của việc học ngoại ngữ. Phong trào “dạy ngôn ngữ giao tiếp” (communicative language teaching) bắt đầu xem nghe như là một bộ phận cấu thành của năng lực giao tiếp. ***Nghe để lấy nghĩa đã trở thành trọng tâm chính yếu và việc tìm ngữ liệu đầu vào phù hợp có tầm quan trọng đặc biệt.***

Vào cuối những năm 1960 và đầu những năm 1970, các nhà ngôn ngữ học ứng dụng nhận ra rằng nghe là kênh quan trọng qua đó người học tiếp cận được với ngữ liệu của ngoại ngữ, và nó cũng là nguồn kích thích sự thụ đắc ngôn ngữ. Ngày nay người ta thừa nhận rằng nghe là một công cụ đắc lực cho việc học ngoại ngữ. Vậy dạy nghe như thế nào để có hiệu quả trong điều kiện thiếu môi trường tiếng tự nhiên như ở Việt Nam? Đây là chủ đề chính được thảo luận trong những mục tiếp theo.

3. Quan điểm nghe từ dưới lên và nghe từ trên xuống

Điều gì xảy ra khi chúng ta muốn hiểu những thông điệp bằng khẩu ngữ? Người nghe thường làm gì để lấy nghĩa

từ các văn bản họ nghe? Một trong những câu trả lời khả dĩ có thể là họ phân chia luồng lời nói ra thành các âm cấu thành, nối các âm này lại với nhau để tạo thành các từ, kết hợp các từ lại với nhau thành các cú, các câu, các đoạn, v.v... Quan điểm nghe này được gọi là nghe “từ dưới lên” (nghĩa là, người nghe quan tâm đến dữ liệu trong các tín hiệu lời nói đang đi vào). Tuy nhiên, như có thể thấy, hình thức nghe kiểu này bộc lộ một số nhược điểm có thể được minh họa bằng ví dụ dưới đây:

Text 1

- *“Whatever are you doing up here?”*

- *“I’m trying to repair the bell,’ I’ve been coming up here night after night for weeks now. You see, I was hoping to give you a surprise.”*

- *“You certainly did give me a surprise. ‘You’ve probably woken up everyone in the village as well. Still, I’m glad the bell is working again.”*

- *“That’s the trouble.” “It’s working all right, but I’m afraid that at one o’clock it will strike thirteen times and there’s nothing I can do about it.”*

- *“We’ll get used to that. “Thirteen is not as good as one but it’s better than nothing. Now let’s go downstairs and have a cup of tea.”*

Hầu hết người học tiếng Anh như là một ngoại ngữ ở trình độ từ trung cấp trở lên đều thấy ít gặp khó khăn trong việc hiểu biết các âm thanh, từ, và câu trong đoạn thoại trên. Sau khi nghe xong một vài lần họ có thể viết được tóm tắt, trả lời câu hỏi hoặc có thể kể lại được đoạn

thoại. Tuy nhiên, nếu họ được cho một “ngôn cảnh tình huống” (Halliday [5, 1978]) nào đó thì việc giải nghĩa bài nghe sẽ có thể dễ hơn nhiều. Ví dụ, nếu người nghe được nói rằng Text 1 là một đoạn thoại giữa một vị cha xứ với một con chiên và được cho biết đôi chút về tiền cảnh dẫn đến đoạn thoại này chẳng hạn như: “Chiếc đồng hồ của nhà thờ đã bị hỏng từ lâu và một con chiên tên là Bill đã cố gắng âm thầm chữa chiếc chuông đồng hồ cho nhà thờ, đoạn trích mà các bạn/em sẽ nghe là đoạn thoại giữa Bill và vị cha xứ ...” thì người nghe chắc sẽ thấy dễ hiểu hơn rất nhiều.

Cho người nghe biết một số đặc điểm nào đó của ngôn cảnh sẽ giúp họ mang kiến thức từ bên ngoài văn bản vào việc giải thích và hiểu chính ngôn bản ấy. Điều này minh họa cho một điểm quan trọng; đó là, ý nghĩa không chỉ nằm trong từ ở trong băng nghi âm hay trong đĩa CD mà nó còn tồn tại cả trong đầu của người nghe nữa. *Người nghe thành công thường là những người biết sử dụng kiến thức cả trong đầu và kiến thức ngoài đầu để giải thích những gì họ nghe thấy.* Việc sử dụng kiến thức trong đầu hay kiến thức không được nhập mã trực tiếp trong từ được gọi là quan điểm nghe “từ trên xuống”.

Trong thực tế nghe, cả hai cách giải thích ý nghĩa “từ dưới lên” và “từ trên xuống” đều được cho là xảy ra ở các mức độ khác nhau trong tổ chức nhận thức: âm vị học, ngữ pháp, từ vựng và phán đoán. Quá trình phức tạp này thường được các nhà giáo học pháp ngoại ngữ gọi là “mô hình xử lí song song” của sự hiểu biết về ngôn ngữ. Sự thể hiện ở những

cấp độ này tạo ra sự hoạt động ở những cấp độ khác. Toàn bộ mạng lưới tương tác được sử dụng để tạo ra một sự “khớp nối tốt nhất” phù hợp với tất cả các cấp độ này với nhau.

4. Một số kiểu văn bản thường được sử dụng để phát triển kỹ năng nghe

Chúng ta hãy xét thêm bốn văn bản dưới đây.

Text 2

My best friend is Ha. We've been friends for a long time. We used to live in Nguyen Cong Tru Living Quarter in Hanoi. Her family moved to Haiphong in 1985. So it is always great to be able to meet somebody who used to live in the same building. It is said that Haiphong people are cold but Ha is really, really friendly. I first started to get to know her when I was going on a trip to Do Son last year and I didn't know anybody there. I gave Ha a ring and she was so friendly, she said, "Oh, I'll come to visit you." So she rode on her motorbike to Do Son and twenty minutes later she was there. She stayed with me for two days. She happened to know a lot of people there, so

she introduced me around, and we've been best friends ever since.

Text 3

The procedure is actually quite simple. First you arrange things into different groups. Of course, one pile may be sufficient, depending on how much there is to do. If you have to go somewhere else due to lack of facilities that is the next step, otherwise you are pretty well set. It is important not to overdo things. That is, it is better to do too few things at once than too many. In the short run this may not seem important, but complications can easily arise. A mistake can be expensive as well. At first the whole procedure will seem complicated. Soon, however, it will become just another facet of life. It is difficult to see any end to the necessity for this task in the immediate future, but then one can never tell. After the procedure is completed, one arranges the materials into different groups again. Then they can be put into their appropriate place. Eventually they can be used once more, and the whole cycle will then have to be repeated. However, that is a part of life.

Text 4

Bob: *Didn't you once go sailing? On a holiday or something?*

Jane: *Oh, yes!*

Bob: *Tell me about it.*

Jane: *I'll never forget the time I first went, actually. Um ... I set off from the shore to get to the boat in a little dinghy ...*

Bob: *Yes.*

Jane: *... with an engine. And that was fine, I was chugging along and about halfway there I suddenly noticed that water was coming in at the bottom.*

Bob: *Oh, what did you do?*

Jane: *Er ... I looked around to see if there was a bucket - I could chuck it over the side - and all there was in fact was a sort of shovel thing. So ...*

Bob: *Oh, what hap ... what happened next?*

Jane: *Well, I started shoveling water out and ... um ... oh yes, the ... the next thing that happened was that the engine stopped, so there ...*

Bob: *Uh! How did you feel about that?*

Jane: *Oh, terrible! And I'd never been sailing before ...* Ø

Bob: *Yes.*

Jane: *I couldn't even swim actually. And I didn't know what to do ... um ... as far as I remember, I ... I started shouting and whistling and nobody took any notice.*

Bob: *Yes.*

Jane: *Um ... and ... oh, then I ... then I used the shovel as a ... as a ... as a paddle - started paddling on either side - and I slowly got towards the boat ...*

Bob: *Yes, yes.*

Text 5

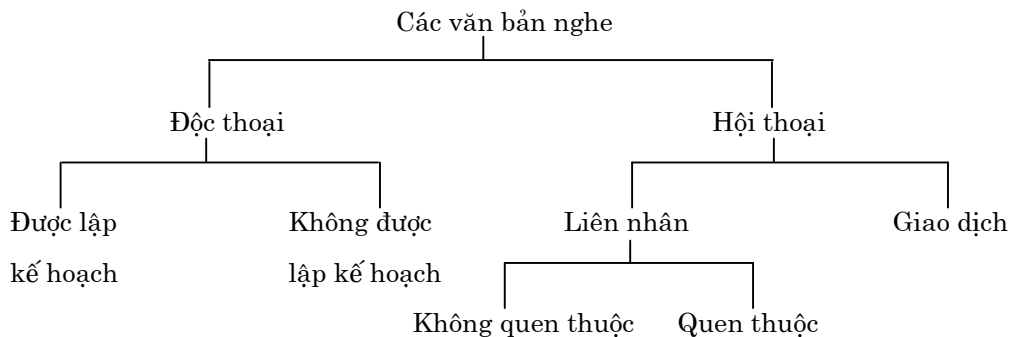
The spaceship flew around the new planet several times. The planet was blue and green. They couldn't see the surface of the planet because there were too many white clouds. The spaceship descended slowly through the clouds and landed in the middle of a green forest. The two astronauts put on their space suits, opened the door, climbed carefully down the ladder, and stepped onto the planet.

The woman looked at a small control unit on her arm. "It's all right", she said to the man. "We can breathe the air ... it's a mixture of oxygen and nitrogen." Both of them took off their helmets and breathed deeply.

They looked at everything carefully. All the plants and animals looked new and strange. They couldn't find any intelligent life. After several hours, they returned to their spaceship. Everything looked normal. The man switched on the controls, but

nothing happened. "Something's wrong," he said, "I don't understand ... the engines aren't working." He switched on the computer, but that didn't work either. "Eve," he said, "we are stuck here ... we can't take_off!" "Don't worry, Adam," she replied. "They'll rescue us soon."

Điều đầu tiên cần phải lưu ý khi quan sát 5 văn bản trong hai mục 3 và 4 là có hai văn bản độc thoại (được tạo ra bởi một người nói) (Texts 2 và 3), 2 văn bản đối thoại (được tạo ra bằng cố gắng của từ hai người trở lên) (Texts 1 và 4), và một văn bản vừa độc thoại vừa đối thoại (Text 5). Tuy nhiên, nếu kiểm tra kỹ lưỡng hơn chúng ta sẽ thấy rằng các văn bản 2, 3, và 5 có nhiều đặc điểm giống nhau hơn văn bản 4. Chúng đều được cơ cấu và hiệu chỉnh cẩn thận trong khi văn bản 4 lại dường như mang nhiều đặc điểm tức thì hay ngôn ngữ bột phát hơn. Và nếu xem xét một số ví dụ văn bản khác ta có thể thấy rằng văn bản nghe thuộc nhiều kiểu khác nhau. Các kiểu văn bản này có thể được trình bày trong lược đồ dưới đây:



Hình 4.1. Phân loại các văn bản nghe

(Nguồn: Nunan, 1991:21)

Trong giáo học pháp ngoại ngữ, mặc dù độc thoại và đối thoại đều là đối tượng để dạy nghe hiểu, nhưng dạy nghe các văn bản độc thoại cần phải có những thủ thuật khác với dạy nghe các văn bản đối thoại.

5. Một số khó khăn của người học trong khi nghe

Xác định độ khó dễ của văn bản nghe là vấn đề mà các nhà xây dựng chương trình thường gặp phải.

Brown và Yule (1983) đã gợi ý bốn nhóm các yếu tố có thể ảnh hưởng đến độ khó của các nhiệm vụ phát triển khẩu ngữ đặc biệt là đến việc phát triển kỹ năng nghe hiểu: (i) các yếu tố liên quan đến người nói (bao nhiêu người, họ nói nhanh như thế nào, giọng điệu của họ ra sao); người nghe (vai diễn của người nghe - họ là người tham gia trực tiếp hay là người nghe gián tiếp, cấp độ của phản ứng được yêu cầu, hứng thú cá nhân vào chủ đề); nội dung (ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc thông tin, kiến thức nền); hỗ trợ (có tranh ảnh, biểu bảng hay giáo cụ trực quan để hỗ trợ cho quá trình nghe hay không).

Trong một loạt các thí nghiệm về những khó khăn trong khi nghe, hai nhà nghiên cứu Anderson và Lynch (1988) nhận thấy rằng khó khăn của các nhiệm

vụ nghe đặc biệt bị ảnh hưởng bởi những yếu tố sau đây:

a) Tổ chức của thông tin (các văn bản trong đó trật tự thông tin được trình bày ăn khớp với trình tự thời gian trong đời sống thực nghe để hiểu hơn những văn bản trong đó thông tin được trình bày không theo trình tự thời gian.)

b) Sự quen thuộc của chủ đề nghe hay kinh nghiệm của người nghe đối với chủ đề đang nghe.

c) Sự tường minh và đầy đủ của thông tin.

d) Các cách diễn đạt quy chiếu được sử dụng (ví dụ, việc sử dụng các đại từ chỉ không phải là các sở chỉ thường làm cho văn bản khó hiểu hơn.)

e) Liệu văn bản mô tả các mối quan hệ “tĩnh” (ví dụ, các số liệu trong các biểu bảng) hay “động” (ví dụ, một tai nạn ở dọc đường hay một cuộc phỏng vấn trực tiếp).

Độ khó dễ của một văn bản nghe có thể được minh họa bằng nhiệm vụ “nghe và tìm đường đi”. Trong nhiệm vụ này, học sinh nghe người nói mô tả về một chuyến đi, một tuyến đường hay một chuyến du lịch và phải lần theo tuyến đường trên bản đồ. Người thiết kế nhiệm vụ đa dạng hoá một cách có hệ thống

kiểu bản đồ, sự trọn vẹn của thông tin, hoặc khởi điểm hoặc điểm kết thúc được đưa ra, số lượng các đặc điểm và sự tương thích của thông tin được trình bày trong văn bản. Những sự đa dạng hoá này đã làm thay đổi độ khó của nhiệm vụ nghe. Người ta thấy rằng bản đồ được đặt theo hình chữ nhật với tất cả những con đường được đánh dấu để nghe hơn những bản đồ trong đó những con đường và ngõ ngách không được đánh dấu thường xuyên; những bản đồ có đường và ngõ ngách lại dễ nhận ra hơn những bản đồ có những mốc hiệu tự nhiên. Tính theo độ trọn vẹn của thông tin, các nhiệm vụ nghe hiểu trở nên khó khăn hơn theo số lượng các mục được đề cập trong văn bản nhưng lại không có trong bản đồ. Những bản đồ trong đó điểm xuất phát và điểm tận cùng của tuyến đường được chỉ trên bản đồ để nghe hơn những bản đồ trong đó chúng bị lược bỏ. Khi số lượng các đặc điểm (toà nhà, các mốc tự nhiên, v.v...) tăng lên thì độ khó cũng tăng lên. Và nếu nhìn từ góc độ quy chiếu, thì người ta thấy rằng sử dụng từ lặp lại nghe dễ hơn cách sử dụng từ đồng nghĩa. Khó khăn nhất thường là những nhiệm vụ trong đó có những thông tin mâu thuẫn nhau trong văn bản và ở trên bản đồ.

Nhìn từ quan điểm người học, những khó khăn dưới đây thường được chỉ ra:

- Khó khăn về nghe âm trong ngoại ngữ.
- Phải hiểu tất cả các từ trước khi hiểu ý người nói muốn diễn đạt.
- Không hiểu được người bản ngữ khi lời nói được nói nhanh và tự nhiên.
- Cần phải nghe đi nghe lại nhiều lần.
- Thấy khó nắm bắt được tất cả các thông tin và không thể dự đoán được thông tin tiếp theo.

- Không thể tập trung vào một văn bản dài và dễ buồn chán khi phải nghe những văn bản dài.

6. Một số hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả của kĩ năng nghe hiểu

Nghe một văn bản bằng ngoại ngữ qua băng cassette hay qua radiô thường là một sự thách đố đối với nhiều người học. Lí do là vì khi nghe những văn bản theo kiểu này, người học không có những gợi ý trực quan. Thêm vào đó, có một yếu tố tâm lí khiến người học thấy nghe khó hiểu hơn - đó là, người học thường nghĩ rằng họ sẽ không hiểu bài nghe. Chính vì vậy, trước khi nghe, người dạy cần phải chuẩn bị tâm lí nghe cho người học. Để nâng nghe được dạy có hiệu quả, cần phải chia tiết dạy ra thành ba giai đoạn tách biệt:

- a) Giai đoạn trước khi nghe
- b) Giai đoạn trong khi nghe
- c) Giai đoạn sau khi nghe

6.1. Giai đoạn trước khi nghe

Hoạt động trước khi nghe thường ngắn, nhiều nhất là 5 - 7 phút. Các hoạt động trong giai đoạn này có thể là:

- Cho học sinh làm quen với chủ đề của bài nghe, với một số từ ngữ được cho là mới đối với học sinh để họ có thể nghe hiểu được bài nghe trong giai đoạn trong khi nghe. Học sinh có thể được yêu cầu làm việc theo cá nhân, theo cặp hoặc theo nhóm để làm quen với chủ đề hay thảo luận về một vấn đề gì đó và tìm ra giải pháp. Giáo viên có thể đưa ra một số từ ngữ mới, đọc to cho học sinh nhắc lại cho đúng ngữ âm, ngữ điệu. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh cho biết nghĩa của các từ ngữ này. Nếu học sinh không biết thì giáo viên có thể giải thích bằng tiếng Anh theo các hình thức như giải nghĩa,

đưa từ đồng nghĩa hay nghịch nghĩa, hoặc để tiết kiệm thời gian, giáo viên có thể cho học sinh biết nghĩa của các từ ngữ đã cho bằng cách cho các nghĩa tiếng Việt tương đương.

- Một yêu cầu cơ bản nữa ở giai đoạn trước khi nghe là giáo viên phải đưa ra các hoạt động đa dạng để duy trì động cơ và hứng thú học tập của học sinh.

Một số hoạt động điển hình ở giai đoạn trước khi nghe là:

- Phân biệt âm: Yêu cầu học sinh phân biệt những âm giống nhau và những âm khác nhau.

- Phân biệt trọng âm của từ: Yêu cầu HS xác định âm tiết có trọng âm (các từ đa âm tiết hay cùng từ trong các từ loại khác nhau - danh từ hay động từ).

- Phân biệt trọng âm câu: Yêu cầu HS phân biệt các từ được nhấn mạnh trong câu.

- Động não: Cho học sinh làm việc theo cặp hay theo nhóm để tìm ra những từ ngữ hay các ý liên quan đến bài sắp nghe.

- Thảo luận: Cho học sinh thảo luận về những nội dung liên quan đến bài sắp nghe.

- Đặt câu hỏi và trả lời theo cặp/nhóm về những nội dung liên quan đến bài sắp nghe.

- Đố vui liên quan đến nội dung của bài sắp nghe.

6.2. Giai đoạn trong khi nghe

Để giúp học sinh thực hành nghe để lấy những thông tin khái quát, yêu cầu họ nghe và tìm ra

- Có bao nhiêu người trong văn bản?
- Câu chuyện hay hội thoại nói về cái gì?
- Câu chuyện xảy ra ở đâu?
- Câu chuyện xảy ra khi nào?
- Câu chuyện mở đầu ra sao? Kết thúc như thế nào?

Để giúp học sinh thực hành nghe lấy những thông tin cụ thể, giáo viên yêu cầu học sinh nghe cẩn thận để trả lời những câu hỏi cụ thể. Họ có thể ghi lại những thông tin được yêu cầu bằng việc điền vào các ô trống trong bảng đã cho. Ví dụ:

| | Height (chiều cao) | Weight (cân nặng) | Age (tuổi) | Hair (tóc) | Clothing (quần áo) |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|---------------|---------------|-----------------------|
| Witness 1 (Nhân chứng 1) | | | | | |
| Witness 2 (Nhân chứng 2) | | | | | |
| Witness 3 (Nhân chứng 3) | | | | | |

Lưu ý rằng ở giai đoạn này gợi ý của giáo viên là hết sức quan trọng. Mặc dù trong đời sống thực tại người ta thường chỉ nghe có một lần nhưng ở trong lớp giáo viên có thể cho học sinh nghe một vài lần.

Để hiểu sâu hơn giáo viên có thể yêu cầu học sinh nghe lại và đặt một số câu hỏi

với “Tại sao?”, “Theo bạn ...”, “Nếu bạn là ... thì bạn sẽ làm gì?”, v.v...

Dưới đây là một số hoạt động dạy học trong giai đoạn trong khi nghe (Chi tiết xin xem thêm Hoàng Văn Vân [7,8,1999, 2001]):

- Dictation: Đây là một thủ thuật dạy nghe hiểu hay kiểm tra sự hiểu biết và

đánh vần trong các hình thức như từ, câu, văn bản.

- Cloze Listening: Yêu cầu học sinh nghe và điền vào khoảng trống.

- Comprehension questions:

- Multiple choice: Yêu cầu học sinh chọn câu trả lời đúng nhất.

- True/False: Yêu cầu học sinh chọn câu trả lời Đúng/Sai.

- Open-ended: Yêu cầu học sinh kết thúc câu.

- Ticking off items: Học sinh gạch bỏ hạng mục khi nghe.

- Detecting mistakes: Khi kể một câu chuyện hay mô tả một cái gì đó trong lớp học, giáo viên giả vờ mắc lỗi. Học sinh phải tìm và sửa những lỗi đó.

- Predicting definitions: giáo viên cung cấp định nghĩa vắn tắt về một người hay một vật nào đó, học sinh viết vào vở xem người hay vật đó là gì.

- Answering questions: học sinh trả lời các câu hỏi thông qua viết.

- Matching picture with sentence: học sinh khớp hình ảnh với câu mà họ nghe thấy.

- Sequencing: Theo những gì được nghe, yêu cầu học sinh sắp xếp các câu theo trình tự logic.

- Identifying emotional tone: (sự tức giận, nhầm lẫn, v.v...), số lượng người nói, ngôn ngữ của văn bản (ở phố, ở chợ, v.v...)

- Summarising: Yêu cầu học sinh viết ý chính và những chi tiết chủ yếu của văn bản các em đã nghe với số lượng từ giới hạn.

- Skimming: Yêu cầu học sinh tóm tắt văn bản bằng một câu hay bằng cách cho văn bản đó một nhan đề.

- Scanning: Yêu cầu học sinh viết ra những thông tin chi tiết để trả lời các câu hỏi "Wh-".

- Inferencing: Trên cơ sở của những thông tin HS nghe thấy từ văn bản, họ phải hiểu được những ý nghĩa hàm chỉ sử dụng các hình thức True/False hay Multiple.

- Information gap: Trên cơ sở của những gì học sinh chưa biết, họ phải đi theo tiếp việc mô tả, phương hướng hay hướng dẫn với sự giúp đỡ của tranh ảnh, bản đồ, biểu bảng, v.v... để điền hay chọn thông tin đúng.

- Predicting: Chỉ có phần đầu của câu chuyện hay mẩu tin được cho biết, học sinh phải nghe và kết thúc phần còn lại.

- Jigsaw Listening: Chia học sinh thành các nhóm, cho mỗi nhóm nghe một đoạn và khớp nối thông tin lại với nhau thành một văn bản hoàn chỉnh.

- Critical listening: Sau khi nghe một văn bản trong đó quan điểm được đưa ra, người nghe phải diễn đạt quan điểm của mình và đưa ra những lí do giải thích cho quan điểm đó.

- Retelling: Sau khi nghe một câu chuyện hay một mẩu tin tức, học sinh phải kể lại càng chính xác càng tốt bằng nói hoặc viết.

- Note-taking: học sinh ghi chép khi nghe kể chuyện hay một bài thuyết trình.

6.3. Giai đoạn sau khi nghe

Giai đoạn sau khi nghe thường nhằm củng cố lại hay phát triển tiếp những gì học sinh đã được nghe ở giai đoạn trong khi nghe hay liên hệ bài nghe với cuộc sống hiện tại. Ví dụ, học sinh có thể được

yêu cầu xây dựng một hội thoại tương tự như hội thoại họ vừa được nghe, thảo luận về những nội dung mà họ đã nghe theo cặp hay theo nhóm. Học sinh cũng có thể được yêu cầu viết những gì họ nghe sau đó so sánh với bạn mình. Họ cũng có thể được yêu cầu phát biểu quan điểm của mình về vấn đề mà mình nghe (qua nói hoặc viết), và v.v...

7. Kết luận

Trong bài viết này chúng tôi đã trình bày một số vấn đề liên quan đến việc dạy nghe hiểu cho học sinh trong môi trường ngoại ngữ. Chúng tôi thảo luận năm vấn đề chính: (i) bối cảnh dẫn đến vai trò quan trọng của nghe trong dạy ngoại ngữ, (ii) quan điểm nghe từ dưới lên và nghe từ trên xuống, (iii) một số dạng văn bản nghe điển hình, (iv) một số khó khăn trong khi nghe của người học, và (v) một số thủ

thuật dạy kĩ năng nghe hiểu như thế nào để có hiệu quả tốt nhất. Chúng tôi cho rằng để nghe có hiệu quả thì người nghe phải được nghe nhiều. Họ phải được rèn luyện cả về độ chính xác (tức là, học sinh phải có khả năng phát âm đúng) và độ lưu loát (nghĩa là, học sinh phải được rèn luyện các tiểu kĩ năng nghe hiểu để có thể hiểu được bài nghe một cách nhanh nhất và có hiệu quả nhất). Nghe là một kĩ năng có thể nói là khó nhất và thường gây ra những ức chế về tâm lí hay những nỗi kinh hoàng cho người học, thậm chí cho cả một số người dạy nữa. Chính vì vậy, muốn dạy kĩ năng này được tốt thì người dạy cần phải lập kế hoạch một cách có hệ thống, xây dựng các chiến lược, phương pháp và thủ thuật giảng dạy phù hợp với đối tượng nghe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anderson, A. and T. Lynch., *Listening*, Oxford: Oxford University Press, 1988.
2. Bloomfield. L., *Outline Guide for the Practical Study of Foreign Languages*, Baltimore, MD: Linguistic Society of America, 1942.
3. Brown, G. and G. Yule., *Teaching the Spoken Language*, Cambridge: Cambridge University Press, 1983.
4. Halliday, M. A. K., *Language as Social Semiotics: The social interpretation of language and meaning*, London: Edward Arnold, 1978.
5. Ur, P., *A Course in Language Teaching*, Cambridge: Cambridge University Press, 2001.
6. Hoàng Văn Vân, *Nghiên cứu giảng dạy các kĩ năng lời nói tiếng Anh ở giai đoạn nâng cao theo đường hướng lấy người học làm trung tâm*, Đề tài khoa học cấp trường, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 1998-1999.
7. Hoàng Văn Vân, *Nghiên cứu giảng dạy các kĩ năng lời nói tiếng Anh ở giai đoạn nâng cao theo đường hướng lấy người học làm trung tâm*, Đề tài khoa học cấp Đại học Quốc gia, 2000-2001.

TEACHING LISTENING SKILLS
TO STUDENTS IN A FOREIGN LANGUAGE ENVIRONMENT

Assoc.Prof.Dr. Hoang Van Van
School of Graduate Studies - VNU

In this article, an attempt is made to look at the teaching of listening in a foreign language environment, an environment in which there is always a lack of practice outside the classroom. The paper starts with the background to the teaching of listening skills. Then it presents the top-down and bottom-up approaches to listening, and some types of text which are commonly used for teaching listening skills. These are followed by the last two sections, one is concerned with the problems experienced by students when listening to a text and the other with some suggestions on how to teach listening skills in the Vietnamese context. It is suggested that in order to teach listening effectively, the teacher should prepare the students for their listening tasks and the students must be given ample opportunities for practicing listening. It is also suggested that the teacher should build a systematic plan and use the most appropriate methods and techniques of teaching listening.